

Số: 832 /2022/BC-SHS

Hà Nội, ngày 01 tháng 07 năm 2022

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ**

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam
Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội xin báo cáo Quý Sở Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS tháng 06/2022 như sau:

1. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ Sàn HSX tháng 06/2022

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
1	AAA	FIR	DAH	AAA
2	ABS	ITA	BAF	ABS
3	ABT			ABT
4	ACB			ACB
5	ACC			ACC
6	ACL			ACL
7	ADG			ADG
8	ADS			ADS
9	AGG			AGG
10	AGM			AGM
11	AGR			AGR
12	ANV			ANV
13	APG			APG
14	APH			APH
15	ASM			ASM
16	ASP			ASP
17	BBC			BAF
18	BCE			BBC
19	BCG			BCE
20	BCM			BCG
21	BFC			BCM
22	BHN			BFC
23	BIC			BHN
24	BID			BIC
25	BKG			BID
26	BMC			BKG
27	BMI			BMC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
28	BMP			BMI
29	BRC			BMP
30	BSI			BRC
31	BTP			BSI
32	BVH			BTP
33	BWE			BVH
34	C32			BWE
35	C47			C32
36	CAV			C47
37	CCL			CAV
38	CDC			CCL
39	CHP			CDC
40	CKG			CHP
41	CLC			CKG
42	CLL			CLC
43	CMG			CLL
44	CMX			CMG
45	CNG			CMX
46	CRC			CNG
47	CRE			CRC
48	CSM			CRE
49	CSV			CSM
50	CTD			CSV
51	CTG			CTD
52	CTS			CTG
53	CVT			CTS
54	D2D			CVT
55	DAG			D2D
56	DBC			DAG
57	DBD			DAH
58	DBT			DBC
59	DCL			DBD
60	DCM			DBT
61	DGC			DCL
62	DGW			DCM
63	DHA			DGC
64	DHC			DGW
65	DHG			DHA
66	DIG			DHC
67	DMC			DHG
68	DPG			DIG
69	DPM			DMC
70	DPR			DPG

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
71	DQC			DPM
72	DRC			DPR
73	DRH			DQC
74	DRL			DRC
75	DSN			DRH
76	DVP			DRL
77	DXG			DSN
78	DXS			DVP
79	EIB			DXG
80	ELC			DXS
81	EVE			EIB
82	EVG			ELC
83	FCM			EVE
84	FCN			EVG
85	FIR			FCM
86	FIT			FCN
87	FMC			FIT
88	FPT			FMC
89	FRT			FPT
90	FTS			FRT
91	GAS			FTS
92	GDT			GAS
93	GEG			GDT
94	GEX			GEG
95	GIL			GEX
96	GMC			GIL
97	GMD			GMC
98	GSP			GMD
99	GTA			GSP
100	GVR			GTA
101	HAH			GVR
102	HAP			HAH
103	HAR			HAP
104	HAX			HAR
105	HBC			HAX
106	HCD			HBC
107	HCM			HCD
108	HDB			HCM
109	HDC			HDB
110	HDG			HDC
111	HHP			HDG
112	HHS			HHP
113	HID			HHS

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
114	HII			HID
115	HMC			HII
116	HPG			HMC
117	HPX			HPG
118	HQC			HPX
119	HSG			HQC
120	HSL			HSG
121	HT1			HSL
122	HTI			HT1
123	HTL			HTI
124	HTN			HTL
125	HTV			HTN
126	HUB			HTV
127	HVH			HUB
128	IBC			HVH
129	ICT			IBC
130	IDI			ICT
131	IJC			IDI
132	ILB			IJC
133	IMP			ILB
134	ITA			IMP
135	ITC			ITA
136	KBC			ITC
137	KDC			KBC
138	KDH			KDC
139	KHG			KDH
140	KHP			KHG
141	KMR			KHP
142	KOS			KMR
143	KPF			KOS
144	KSB			KPF
145	L10			KSB
146	LBM			L10
147	LCG			LBM
148	LDG			LCG
149	LGC			LDG
150	LHG			LGC
151	LIX			LHG
152	LPB			LIX
153	LSS			LPB
154	MBB			LSS
155	MCP			MBB
156	MHC			MCP
				MHC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
157	MIG			MIG
158	MSB			MSB
159	MSH			MSH
160	MSN			MSN
161	MWG			MWG
162	NAF			NAF
163	NBB			NBB
164	NCT			NCT
165	NHA			NHA
166	NHH			NHH
167	NKG			NKG
168	NLG			NLG
169	NNC			NNC
170	NSC			NSC
171	NT2			NT2
172	NTL			NTL
173	NVL			NVL
174	OCB			OCB
175	OPC			OPC
176	ORS			ORS
177	PAC			PAC
178	PAN			PAN
179	PC1			PC1
180	PDN			PDN
181	PDR			PDR
182	PET			PET
183	PGC			PGC
184	PGD			PGD
185	PGI			PGI
186	PHC			PHC
187	PHR			PHR
188	PJT			PJT
189	PLP			PLP
190	PLX			PLX
191	PNJ			PNJ
192	POW			POW
193	PPC			PPC
194	PSH			PSH
195	PTB			PTB
196	PVD			PVD
197	PVT			PVT
198	QCG			QCG
199	RAL			RAL

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
200	REE			REE
201	S4A			S4A
202	SAB			SAB
203	SAM			SAM
204	SAV			SAV
205	SBA			SBA
206	SBT			SBT
207	SBV			SBV
208	SC5			SC5
209	SCR			SCR
210	SCS			SCS
211	SFC			SFC
212	SFG			SFG
213	SFI			SFI
214	SGN			SGN
215	SGT			SGT
216	SHA			SHA
217	SHB			SHB
218	SHI			SHI
219	SHP			SHP
220	SJS			SJS
221	SMB			SMB
222	SMC			SMC
223	SPM			SPM
224	SRC			SRC
225	SRF			SRF
226	SSB			SSB
227	SSC			SSC
228	SSI			SSI
229	ST8			ST8
230	STB			STB
231	STG			STG
232	STK			STK
233	SVC			SVC
234	SVI			SVI
235	SVT			SVT
236	SZC			SZC
237	SZL			SZL
238	TAC			TAC
239	TBC			TBC
240	TCB			TCB
241	TCD			TCD
242	TCH			TCH

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
243	TCL			TCL
244	TCM			TCM
245	TCO			TCO
246	TCT			TCT
247	TDC			TDC
248	TDG			TDG
249	TDM			TDM
250	TDP			TDP
251	TDW			TDW
252	TEG			TEG
253	THG			THG
254	THI			THI
255	TIP			TIP
256	TLD			TLD
257	TLG			TLG
258	TLH			TLH
259	TMP			TMP
260	TMS			TMS
261	TN1			TN1
262	TNA			TNA
263	TNC			TNC
264	TNH			TNH
265	TPB			TPB
266	TPC			TPC
267	TRA			TRA
268	TRC			TRC
269	TSC			TSC
270	TTA			TTA
271	TTB			TTB
272	TV2			TV2
273	TVB			TVB
274	TVS			TVS
275	TVT			TVT
276	TYA			TYA
277	UIC			UIC
278	VCB			VCB
279	VCG			VCG
280	VCI			VCI
281	VDP			VDP
282	VDS			VDS
283	VGC			VGC
284	VHC			VHC
285	VHM			VHM

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
286	VIB			VIB
287	VIP			VIP
288	VIX			VIX
289	VJC			VJC
290	VND			VND
291	VNE			VNE
292	VNL			VNL
293	VNM			VNM
294	VPB			VPB
295	VPG			VPG
296	VPI			VPI
297	VRC			VRC
298	VRE			VRE
299	VSC			VSC
300	VSH			VSH
301	VSI			VSI
302	VTO			VTO
303	YBM			YBM

2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ Sàn HNX tháng 06/2022

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
1	AAV			AAV
2	AMV			AMV
3	APS			APS
4	BAB			BAB
5	BAX			BAX
6	BCC			BCC
7	BCF			BCF
8	BNA			BNA
9	BPC			BPC
10	BTS			BTS
11	BVS			BVS
12	C69			C69
13	CAP			CAP
14	CDN			CDN
15	CEO			CEO
16	CLH			CLH
17	CVN			CVN
18	DDG			DDG
19	DHP			DHP

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
20	DHT			DHT
21	DL1			DL1
22	DNM			DNM
23	DNP			DNP
24	DP3			DP3
25	DS3			DS3
26	DTD			DTD
27	DXP			DXP
28	EID			EID
29	EVS			EVS
30	GIC			GIC
31	GKM			GKM
32	GMX			GMX
33	HAT			HAT
34	HCC			HCC
35	HDA			HDA
36	HHC			HHC
37	HJS			HJS
38	HLC			HLC
39	HLD			HLD
40	HMH			HMH
41	HOM			HOM
42	HTC			HTC
43	HUT			HUT
44	HVT			HVT
45	ICG			ICG
46	IDC			IDC
47	IDV			IDV
48	INN			INN
49	IPA			IPA
50	ITQ			ITQ
51	KKC			KKC
52	LAS			LAS
53	LHC			LHC
54	LIG			LIG
55	MBG			MBG
56	MBS			MBS
57	MCF			MCF
58	MVB			MVB
59	NAG			NAG
60	NBC			NBC
61	NDN			NDN
62	NDX			NDX

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
63	NET			NET
64	NRC			NRC
65	NTP			NTP
66	NVB			NVB
67	ONE			ONE
68	PBP			PBP
69	PCE			PCE
70	PDB			PDB
71	PGN			PGN
72	PGS			PGS
73	PHN			PHN
74	PLC			PLC
75	PMC			PMC
76	PMS			PMS
77	PPS			PPS
78	PRE			PRE
79	PSD			PSD
80	PSE			PSE
81	PSI			PSI
82	PSW			PSW
83	PTI			PTI
84	PVB			PVB
85	PVC			PVC
86	PVG			PVG
87	PVI			PVI
88	PVS			PVS
89	QHD			QHD
90	RCL			RCL
91	S55			S55
92	S99			S99
93	SCI			SCI
94	SD5			SD5
95	SD6			SD6
96	SD9			SD9
97	SED			SED
98	SFN			SFN
99	SGC			SGC
100	SHN			SHN
101	SLS			SLS
102	SRA			SRA
103	TA9			TA9
104	TAR			TAR
105	TC6			TC6

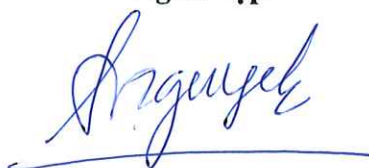
STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
106	TDN			TDN
107	TDT			TDT
108	THT			THT
109	TIG			TIG
110	TNG			TNG
111	TPP			TPP
112	TTC			TTC
113	TTT			TTT
114	TV3			TV3
115	TV4			TV4
116	TVC			TVC
117	TVD			TVD
118	VBC			VBC
119	VC2			VC2
120	VC3			VC3
121	VC7			VC7
122	VCC			VCC
123	VCS			VCS
124	VGS			VGS
125	VHE			VHE
126	VIF			VIF
127	VIT			VIT
128	VMC			VMC
129	VNC			VNC
130	VNF			VNF
131	VNR			VNR
132	VTV			VTV
133	WCS			WCS

Địa chỉ website đăng tải Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS tháng 06/2022 là <https://www.shs.com.vn/News/202271/1011349/shs-danh-muc-chung-khoan-thuc-hien-giao-dich-ky-quy-thang-06-2022.aspx>.

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

Kính báo cáo Quý Sở được biết.

Người lập



Đoàn Thị Ánh Nguyệt

Kiểm soát



Ngô Thế Hiền



TỔNG GIÁM ĐỐC

**TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Đức Tiến**